

Số: 168/BC-UBND

Bến Cát, ngày 15 tháng 7 năm 2020

## BÁO CÁO

### **Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã Bến Cát trong 6 tháng đầu năm 2020**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3877/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 118/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thị xã Bến Cát về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020.

Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã trong 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

#### **I. VỀ THU NGÂN SÁCH**

**1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:** 734 tỷ 222 triệu đồng (tăng 07% so với cùng kỳ, đạt 41% kế hoạch tỉnh và đạt 52% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh), gồm các khoản thu sau:

- Thuế ngoài quốc doanh: 316 tỷ 448 triệu đồng, đạt 24% kế hoạch tỉnh và đạt 36% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, bằng 65% so cùng kỳ.

- Thu lệ phí trước bạ: 21 tỷ 099 triệu đồng, đạt 43% kế hoạch tỉnh và đạt 45% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 12% so với cùng kỳ.

- Thuế phi nông nghiệp: 01 tỷ 521 triệu đồng, đạt 25% kế hoạch tỉnh và đạt 55% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, bằng 56% so với cùng kỳ.

- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 28 tỷ 261 triệu đồng, tăng 13% kế hoạch tỉnh và đạt 61% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 204% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất: 271 tỷ 304 triệu đồng, tăng 13% kế hoạch tỉnh và đạt 96% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 219% so với cùng kỳ.

- Thu phí và lệ phí: 15 tỷ 542 triệu đồng, đạt 82% kế hoạch tỉnh và đạt 67% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 05% so với cùng kỳ.

- Thu thuế thu nhập cá nhân: 60 tỷ 176 triệu đồng, đạt 48% kế hoạch tỉnh và đạt 54% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 13% so với cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: 19 tỷ 871 triệu đồng, đạt 99% kế hoạch tỉnh và Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 09% so với cùng kỳ.

**2. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương:** 400 tỷ 315 triệu đồng (tăng 16% so với cùng kỳ, đạt 41% kế hoạch tỉnh giao và đạt 36% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh), gồm các khoản thu sau:

- Các khoản thu địa phương hưởng 100%: 71 tỷ 975 triệu đồng, đạt 70% kế hoạch tỉnh và đạt 62% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 51% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 135 tỷ 505 triệu đồng, đạt 26% kế hoạch tỉnh và đạt 38% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 70% so với cùng kỳ.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên thời kỳ ổn định giai đoạn 2017 - 2020: 192 tỷ 835 triệu đồng, đạt 60% kế hoạch tỉnh và đạt 41% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, trong đó:

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp tỉnh: 170 tỷ đồng.

+ Thu bổ sung có mục tiêu: 22 tỷ 835 triệu đồng.

*(Kèm theo báo cáo thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2020)*

## II. VỀ CHI NGÂN SÁCH

Tổng chi ngân sách địa phương: 367 tỷ 005 triệu đồng (tăng 07% so với cùng kỳ, đạt 38% kế hoạch tỉnh giao và đạt 33% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh), gồm các khoản chi sau:

- Chi đầu tư phát triển: 39 tỷ 963 triệu đồng, đạt 35% kế hoạch tỉnh giao và đạt 16% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, bằng 58% so với cùng kỳ.

- Chi thường xuyên: 264 tỷ 882 triệu đồng, đạt 32% kế hoạch tỉnh và đạt 31% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 04% so với cùng kỳ, bao gồm:

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 03 tỷ 684 triệu đồng, đạt 05% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, bằng 49% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp môi trường: 625 triệu đồng, đạt 01% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, bằng 03% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo và Dạy nghề: 129 tỷ 154 triệu đồng, đạt 40% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 21% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp Y tế: 15 tỷ 459 triệu đồng, đạt 26% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, đạt 100% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin - TDTT: 06 tỷ 119 triệu đồng, đạt 28% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 81% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình: 01 tỷ 508 triệu đồng, đạt 33% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, bằng 95% so với cùng kỳ.

+ Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ: 366 triệu đồng, đạt 21% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 07% so với cùng kỳ.

+ Chi đảm bảo xã hội: 21 tỷ 015 triệu đồng, đạt 52% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 40% so với cùng kỳ.

+ Chi Quản lý hành chính: 20 tỷ 053 đồng, đạt 32% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, bằng 96% so với cùng kỳ.

+ Chi An ninh - Quốc phòng: 08 tỷ 976 triệu đồng, đạt 37% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 29% so với cùng kỳ.

+ Chi khác ngân sách: 01 tỷ 448 triệu đồng, đạt 29% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 45% so với cùng kỳ.

+ Chi ngân sách xã: 56 tỷ 475 triệu đồng, đạt 34% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh, tăng 09% so với cùng kỳ.

- Chi tạm ứng: 62 tỷ 160 triệu đồng.

*(Kèm theo báo cáo chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2020)*

### **III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGÂN SÁCH TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020**

Kết quả tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã trong 6 tháng đầu năm đạt 41% kế hoạch tỉnh giao và đạt 52% Nghị quyết HĐND thị xã giao điều chỉnh. Số thu từ các khoản thuế trong 6 tháng đầu năm đạt thấp so với dự toán tỉnh giao do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, dự kiến một số khoản thu từ sản xuất kinh doanh sẽ được giãn, hoãn, miễn, giảm do các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ; hộ khoán thu cũng ảnh hưởng dịch bệnh nên tạm nghỉ kinh doanh; bên cạnh đó, với chính sách không thu lệ phí môn bài đối với doanh nghiệp và hộ cá nhân kinh doanh mới thành lập trong năm 2020 dẫn đến nguồn thu ngân sách trên địa bàn không đạt dự toán tỉnh giao, kéo theo ngân sách địa phương được hưởng không đạt dự toán tỉnh giao.

Tổng chi ngân sách địa phương trong 6 tháng đầu năm đạt 38% so với kế hoạch tỉnh giao. Số chi đạt thấp do các chủ đầu tư, các đơn vị đang trong quá trình thực hiện hồ sơ về thẩm tra thiết kế, lập dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung chi đầu tư xây dựng, mua sắm, sửa chữa; số kinh phí này sẽ giải ngân trong 6 tháng cuối năm. Đồng thời, đối với khoản chi thuộc nhiệm vụ chi sự nghiệp y tế và chi sự nghiệp giáo dục trong 6 tháng đầu năm đạt thấp do các khoản chi thừa giờ, bảo hiểm y tế của học sinh phát sinh vào thời điểm cuối năm; do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên một số hoạt động chuyên môn các cơ quan, đơn vị và xã, phường không tổ chức triển khai trong 6 tháng đầu năm sẽ được thực hiện trong 6 tháng cuối năm.

Trong 6 tháng đầu năm, ảnh hưởng của dịch Covid-19 dự kiến thu sẽ không đạt dự toán tỉnh giao, để đảm bảo ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch bệnh và nhu cầu chi an sinh xã hội trên địa bàn theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 nên ngân sách thị xã sẽ giảm chi thường xuyên một số nhiệm vụ chưa thật sự cần thiết của các đơn vị đã bố trí đầu năm để ưu tiên chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh và an sinh xã hội trên địa bàn thị xã.

*(Kèm theo các biểu số 93,94,95/CK-NSNN)*

Trên đây là báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã trong 6 tháng đầu năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát./ *HL*

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND;
- CT, các PCT;
- Phòng TC-KH;
- Phòng VH&TT (đăng tải trên trang thông tin điện tử thị xã);
- Lưu: VT. *HL*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*HL*  
**Nguyễn Trọng Ân**

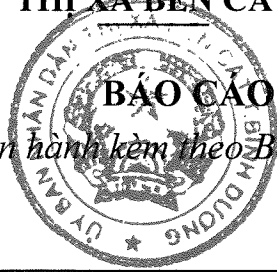


**BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 168/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán Tỉnh giao 2020	Dự toán HĐND thị xã giao điều chỉnh năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2019	So sánh(%)		
					6=4/2	7=4/3	8=4/5
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>			
<b>A. Tổng thu ngân sách nhà nước từ SXKD trên địa bàn</b>	<b>1.801.274</b>	<b>1.402.430</b>	<b>734.222</b>	<b>688.195</b>	<b>41</b>	<b>52</b>	<b>107</b>
1. Thuế ngoài quốc doanh	1.316.278	870.139	316.448	485.917	24	36	65
- Thuế giá trị gia tăng	772.825	571.891	175.054	310.048	23	31	56
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	540.315	297.173	140.794	174.506	26	47	81
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.000	540	380	948	19	70	40
- Thuế tài nguyên	1.138	535	220	415	19	41	53
2. Thu lệ phí trước bạ	49.000	46.550	21.099	18.827	43	45	112
3. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6.000	2.750	1.521	2.702	25	55	56
4. Thu tiền cho thuê đất, mặt nước	25.000	46.606	28.261	9.295	113	61	304
Trong đó: Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước ngoài khu công nghiệp	20.000	27.000	28.234	9.215	141		306
5. Thu tiền sử dụng đất	240.996	282.497	271.304	84.990	113	96	319
6. Thu phí và lệ phí (bao gồm lệ phí môn bài do huyện quản lý)	19.000	23.300	15.542	14.825	82	67	105
Trong đó: Thị xã TTQL	7.000	19.300	12.744	11.599	182	66	110
7. Thuế thu nhập cá nhân	125.000	110.588	60.176	53.339	48	54	113
8. Thu khác ngân sách	20.000	20.000	19.871	18.300	99	99	109
Trong đó: Thị xã TTQL	20.000	20.000	8.157	4.856	41	41	168
<b>B. Tổng thu ngân sách địa phương</b>	<b>976.004</b>	<b>1.111.725</b>	<b>400.315</b>	<b>346.585</b>	<b>41</b>	<b>36</b>	<b>116</b>
I. Tổng các khoản thu NSĐP được hưởng theo phân cấp	621.588	469.004	207.480	241.585	33	44	86
1. Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	103.138	116.135	71.975	47.603	70	62	151
2. Thu phân chia theo tỷ lệ %	518.450	352.869	135.505	193.982	26	38	70
II. Thu bổ sung từ NS cấp trên thời kỳ ổn định giai đoạn 2017-2020	319.034	473.205	192.835	105.000	60	41	
- Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp tỉnh	244.993	244.993	170.000	100.000	69	69	
- Thu bổ sung thêm giai đoạn 2017-2020	51.206	51.206			0	0	
- Thu bổ sung có mục tiêu	22.835	24.445	22.835	5.000	100	93	
- Thu trợ cấp thất thu bởi ảnh hưởng đại dịch Covid-19		152.561					
III. Thu kết dư	35.382	169.516					
IV. Thu chuyên nguồn							
<b>Cân đối ngân sách</b>							
<b>Tổng thu</b>	<b>976.004</b>	<b>1.111.725</b>	<b>400.315</b>	<b>346.585</b>	<b>41</b>	<b>36</b>	<b>116</b>
<b>Tổng chi</b>	<b>976.004</b>	<b>1.111.725</b>	<b>367.005</b>	<b>342.075</b>	<b>38</b>	<b>33</b>	<b>107</b>
<b>Bội thu (+) Bội chi (-)</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>33.310</b>	<b>4.510</b>			<b>739</b>



**BÁO CÁO CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2020**

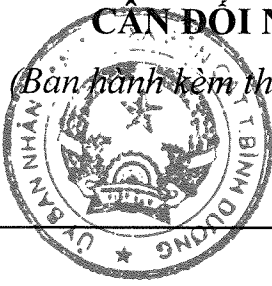
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 168/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự toán Tĩnh giao 2020	Dự toán HNND thị xã giao điều chỉnh năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2019	So sánh(%)		
					6=4/2	7=4/3	8=4/5
<b>I</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>			
<b>Tổng chi ngân sách địa phương(I+II+III+IV)</b>	<b>976.004</b>	<b>1.111.725</b>	<b>367.005</b>	<b>342.075</b>	<b>38</b>	<b>33</b>	<b>107</b>
<b>I/ Chi đầu tư phát triển</b>	<b>115.139</b>	<b>249.273</b>	<b>39.963</b>	<b>68.962</b>	<b>35</b>	<b>16</b>	<b>58</b>
- Vốn phân cấp theo tiêu chí	115.139	116.073	23.093	68.962	20	20	33
- Vốn cải cách tiền lương tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		43.000	4.524				
- Vốn kết dư (thị xã)		90.200	12.346				
<b>II/ Chi thường xuyên</b>	<b>840.865</b>	<b>859.185</b>	<b>264.882</b>	<b>254.695</b>	<b>32</b>	<b>31</b>	<b>104</b>
1. Chi sự nghiệp kinh tế		76.097	3.684	7.583		5	49
2. Chi sự nghiệp môi trường		78.092	625	23.979		1	3
3. SN giáo dục - đào tạo dạy nghề		319.384	129.154	107.013		40	121
4. SN Y Tế		59.908	15.459	15.384		26	100
5. Chi SN VH TT		21.512	6.119	3.384		28	181
- SN VH TT		19.714	5.440	2.452		28	222
- SN TDTT		1.798	679	932		38	73
6. SN Phát thanh truyền hình		4.565	1.508	1.584		33	95
7. SN khoa học công nghệ		1.768	366	343		21	107
8. Chi đảm bảo xã hội		40.296	21.015	14.999		52	140
9. Chi quản lý hành chính		62.686	20.053	20.838		32	96
10. Chi an ninh quốc phòng		24.211	8.976	6.952		37	129
- An ninh		11.234	2.408	2.677		21	90
- Quốc phòng		12.977	6.568	4.275		51	154
11. Chi khác ngân sách		5.000	1.448	1.000		29	145
11. Chi NS xã		165.666	56.475	51.636		34	109
<b>III/ Chi tạm ứng</b>			<b>62.160</b>	<b>18.418</b>			<b>337</b>
<b>IV/ Chi chuyển nguồn</b>							
<b>V/ Dự phòng</b>	<b>20.000</b>	<b>3.267</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2020**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 168 /BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND thị xã giao điều chỉnh năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2020	So sánh ước thực hiện với	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.402.430</b>	<b>734.222</b>	<b>52</b>	<b>107</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>1.402.430</b>	<b>734.222</b>	<b>52</b>	<b>107</b>
1	Thu nội địa	1.402.430	734.222	52	107
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>1.111.725</b>	<b>367.005</b>	<b>33</b>	<b>107</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách thị xã</b>	<b>1.111.725</b>	<b>367.005</b>	<b>33</b>	<b>107</b>
1	Chi đầu tư phát triển	249.273	39.963	16	58
2	Chi thường xuyên	859.185	264.882	31	104
3	Dự phòng ngân sách	3.267	0	0	
4	Chi tạm ứng		62.160		
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>				
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>				

## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 168/BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)



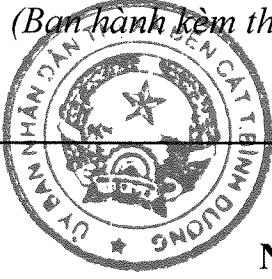
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND thị xã giao điều chính năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>				
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>1.402.430</b>	<b>734.222</b>	<b>52</b>	<b>107</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	870.139	316.448	36	65
-	Thuế giá trị gia tăng	571.891	175.054	31	56
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	297.173	140.794	47	81
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	540	380	70	40
-	Thuế tài nguyên	535	220	41	53
-	Thu khác				
4	Thuế thu nhập cá nhân	110.588	60.176	54	113
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	46.550	21.099	45	112
7	Thu phí, lệ phí	23.300	15.542	67	105
8	Các khoản thu về nhà, đất	331.853	301.086	91	310
-	Thuế sử dụng đất nước nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.750	1.521	55	56
-	Thu tiền sử dụng đất	282.497	271.304	96	319
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	46.606	28.261	61	304
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	20.000	19.871	99	109
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>469.004</b>	<b>207.480</b>	<b>44</b>	<b>86</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	352.869	135.505	38	70
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	116.135	71.975	62	151



## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 168 /BC-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND thị xã giao điều chỉnh năm 2020	Thực hiện 6 tháng đầu năm năm 2020	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>1.111.725</b>	<b>367.005</b>	<b>33</b>	<b>107</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>1.111.725</b>	<b>367.005</b>	<b>33</b>	<b>107</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>249.273</b>	<b>39.963</b>	<b>16</b>	<b>58</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	249.273	39.963	16	58
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>859.185</b>	<b>264.882</b>	<b>31</b>	<b>104</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	319.384	129.154	40	121
2	Chi khoa học và công nghệ	1.768	366	21	107
3	Chi y tế, dân số và gia đình	59.908	15.459	26	100
4	Chi văn hóa thông tin	19.714	5.440	28	222
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	4.565	1.508	33	95
6	Chi thể dục thể thao	1.798	679	38	73
7	Chi bảo vệ môi trường	78.092	625	1	3
8	Chi các hoạt động kinh tế	76.097	3.684	5	49
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	62.686	20.053	32	96
10	Chi bảo đảm xã hội	40.296	21.015	52	140
11	Chi thường xuyên khác	5.000	1.448	29	145
12	Chi quốc phòng	12.977	6.568	51	154
13	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	11.234	2.408	21	90
14	Chi NS xã	165.666	56.475	34	109
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>3.267</b>		<b>0</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi tạm ứng</b>		<b>62.160</b>		
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				